



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	01					HP,ĐK
2	000002	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	01	9,0	01	145	Ninh	
3	000003	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	01	8,5	16	146	Mỹ Anh	
4	000004	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	01	9,0	03	147	Phương Anh	
5	000005	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	01	9,0	04	148	Tuấn Anh	
6	000006	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	01					ĐK
7	000007	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	01	8,5	05	149	Chi	HP ✓
8	000008	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	01	7,0	06	150	Chuyên	HP ✓
9	000009	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	01	Mười	07	151	Đạt	
10	000010	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	01	Mười	08	152	Diệp	
11	000011	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	01	8,0	09	153	Đức	
12	000012	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	01	8,5	10	154	Dung	
13	000013	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	01	8,5	11	155	Hạnh	
14	000014	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	01	Mười	12	156	Hiếu	
15	000015	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	01	8,5	13	157	Hương	
16	000016	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	01	7,0	14	158	Khánh	
17	000017	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	01	8,5	15	159	Khiêm	
18	000018	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	01	7,0	16	160	Lan	
19	000019	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	01	8,5	17	161	Linh	
20	000020	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	01	9,0	18	162	Long	
21	000021	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	01	6,8	19	163	Long	
22	000022	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	01	7,0	20	164	Ly	
23	000023	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	01	5,0	21	165	Lý	
24	000024	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	01	6,5	22	166	Minh	
25	000025	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	01					ĐK
26	000026	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	01	7,0	23	167	Nghĩa	
27	000027	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	01	8,0	24	168	Ngọc	
28	000028	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	01	6,0	25	169	Nhi	
29	000029	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	01	6,0	26	170	Phong	HP ✓

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Phương Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Hà



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000030	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	01	Mười	01	152	Quân	
2	000031	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	01	5,0	02	151	Quý	
3	000032	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	01	6,0	03	150	Tài	
4	000033	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	01	Mười	04	149	Thành	
5	000034	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	01	9,0	05	148	Thảo	
6	000035	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	01	8,0	06	147	Thiên	
7	000036	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	01	6,0	07	146	Thu	
8	000037	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	01	5,0	08	145	Thu	
9	000038	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	01	9,5	09	153	Thủy	
10	000039	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	01	9,0	10	154	Toàn	
11	000040	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	01	8,0	11	155	Phu	
12	000041	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	01	7,5	12	156	Trang	
13	000042	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	01	5,0	13	157	Việt	
14	000043	0901010763	Đào Bích	Ngọc	28/05/2002	TC9A	01					HP,ĐK
15	000044	0901010698	Nguyễn Thu	Hương	28/08/2003	TC9B	01	7,0	15	158	Hương	
16	000045	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	02	9,5	16	169	Bình	
17	000046	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	02	6,0	17	166	Trang	
18	000047	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	02	9,5	18	145	An	
19	000048	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	02	8,0	19	185	Anh	
20	000049	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	02	9,5	20	184	Anh	
21	000050	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	02	Mười	21	183	Anh	
22	000051	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	02	7,5	22	182	Anh	
23	000052	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	02	8,0	23	181	Anh	
24	000053	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	02	7,0	24	160	Anh	
25	000054	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	02	7,0	24	147	Cường	
26	000055	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	02	Mười	26	148	Đông	
27	000056	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	02	6,0	27	149	Hải	
28	000057	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	02	8,5	28	150	Hậu	
29	000058	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	02	7,0	32	151	Xuân	

Tổng số sinh viên dự thi: ...28...

Tổng số tờ giấy thi: ...28..

Tổng số biên bản: ...0.....

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Thủy

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thủy



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Hướng dẫn kê khai thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000059	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	02	8,5	8	145	Hoàn	
2	000060	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	02	9,5	7	146	Hường	
3	000061	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	02	9,5	6	147	Huyền	
4	000062	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	02	9,5	5	148	Huyền	
5	000063	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	02	9,5	3	149	Huyền	
6	000064	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	02	9,0	36	150	Lam	
7	000065	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	02	8,5	10	151	Lâm	(8,5)
8	000066	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	02	9,5	6	152	Gia	
9	000067	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	02	9,5	10	153	Thùy	
10	000068	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	02	8,5	13	154	Đức	
11	000069	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	02	9,0	38	155	Ly	
12	000070	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	02	8,0	13	156	Minh	
13	000071	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	02	8,0	24	157	Nam	HP
14	000072	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	02	Mười	23	158	Nghĩa	
15	000073	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	02	9,5	14	159	Nhi	
16	000074	1001010848	Trần Mai	Phuong	29/12/2004	TC10B	02	8,5	21	160	Phuong	
17	000075	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	02	8,5	39	181	Quân	
18	000076	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	02	8,5	19	182	Son	
19	000077	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	02	9,5	18	183	Tâm	
20	000078	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	02	9,5	17	184	Thảo	
21	000079	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	02	8,0	31	149	Thịnh	
22	000080	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	02	8,0	30	148	Thư	
23	000081	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	02	9,5	29	147	Thùy	
24	000082	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	02	8,0	28	146	Trà	
25	000083	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	02	8,5	26	145	Trang	
26	000084	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	02	9,0	25	185	Trang	
27	000085	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	02	8,5	33	151	Vũ	
28	000086	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	02	9,5	30	150	Xuân	
29	000087	0901010302	Vũ Ngọc	Anh	04/01/2003	TC9B	02					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 28.....

Tổng số tờ giấy thi: 28.....

Tổng số biên bản: 0.....

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
B. N. Anh

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
H. Văn Quỳ